

Bản án số: **168/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 30-9-2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Ty

Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 138/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/7/2024 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 123/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 2002;

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Đình H, sinh năm 2000;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn S, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan (Trung Quốc).

Tại phiên tòa vắng mặt chị L (đã có đơn xin vắng mặt), anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Lê Đình H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 02/4/2021 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, do điều kiện kinh tế gia đình nên đầu năm 2022 chị có đi xuất khẩu lao động tại Lào, sau đó giữa năm 2022 anh H có sang Đài Loan làm việc, vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó. Thời gian đầu anh H còn gọi điện về, vợ chồng tâm sự cùng nhau, sau đó thời gian thưa dần, anh H không còn quan tâm đến chị. Hiện nay chị không còn liên lạc gì với anh H, không biết địa chỉ cụ thể của anh H tại Đài Loan.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không thể hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đình H.

2. Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Chị L trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Lê Đình H tại Đài Loan (Trung Quốc) nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Anh H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình bố mẹ để anh H là ông Lê Đình T và bà Lê Thị T1, địa chỉ tại thôn S, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm thông tin từ gia đình anh H.

* Tại buổi xác minh tại gia đình anh Lê Đình H, Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Lê Thị T1. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/8/2024 và ngày 23/8/2024, bà T1 trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Lê Đình H và là mẹ chồng chị Lê Thị L. Anh H và chị L kết hôn vào ngày 02/4/2021 tại UBND xã K, huyện N. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Đến khoảng giữa năm 2022 thì hai vợ chồng đều đi xuất khẩu lao động, anh H đi Đài Loan, chị L đi Trung Quốc. Vì mỗi người mỗi nơi nên thỉnh thoảng phát sinh mâu thuẫn, từ đó bà thấy vợ chồng anh chị không hạnh phúc nữa. Qua trao đổi điện thoại thì anh H có nói với bà là giữa hai vợ chồng anh chị hiện nay đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hòa giải và anh H cũng có nguyện vọng được ly hôn. Gia đình bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh H qua điện thoại, chỉ biết anh H đang làm việc tại Đài Loan, nhưng địa chỉ cụ thể nơi sinh sống và làm việc của anh H thì bà không biết. Sau khi Tòa án thông báo cho bà biết việc chị L làm đơn ly hôn anh H, bà cũng đã thông báo cho anh H biết. Việc ly hôn của vợ chồng các con, bà không có ý kiến gì mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà đồng ý thay anh H nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh H biết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị L, xử cho chị L được ly hôn anh Lê Đình H; về con chung: chưa có con chung, nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung và công nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án:

Chị Lê Thị L là nguyên đơn đang cư trú tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa, bị đơn là anh Lê Đình H có đăng ký hộ khẩu tại xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc). Trong vụ án này bị đơn cư trú ở nước ngoài, tuy nhiên bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2] Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:

Chị L chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh H ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh H tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu nhưng bố, mẹ đẻ của anh H trình bày không biết địa chỉ anh H ở Đài Loan. Tuy nhiên, anh H vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình ông, bà, vậy nên mẹ anh H là bà Lê Thị T1 vẫn nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho anh H, vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị L, chị L đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Đình H vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân đến lần thứ hai. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, xét xử vắng mặt chị L và anh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Lê Đình H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai, các tài liệu có liên quan trong vụ án, chị L trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, do điều kiện kinh tế gia đình nên đầu năm 2022 chị có đi xuất khẩu lao động tại Lào, sau đó giữa năm 2022 anh H có sang Đài Loan làm việc, vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó. Thời gian đầu anh H còn gọi điện về, vợ chồng tâm sự cùng nhau, sau đó thời gian thưa dần, anh H không còn quan tâm đến chị. Hiện nay chị không còn liên lạc gì với anh H, không biết địa chỉ cụ thể của anh H tại Đài Loan.

Qua xem xét ý kiến của bà Lê Thị T1, mẹ đẻ anh H thì sau khi anh H biết thông tin về yêu cầu ly hôn của chị L, anh H đã điện thoại trao đổi với bà T1 là hiện nay vợ chồng anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Lê Đình H.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản và công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét. Anh H không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản và công nợ chung nên nếu sau này anh H có yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị L, cho chị L được ly hôn với anh Lê Đình H.

2. Về án phí: Chị Lê Thị L phải nộp án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000443 ngày 26/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, chị L đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Lê Đình H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng ngày kể từ ngày nhận được bản án, bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã K, huyện
N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HSVA, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đình Ty

Nguyễn Thị Mai Hoa

Mai Nam Tiến